

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2023/HC-PT**

Ngày: 21/02/2023

*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh T mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 444/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HCST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1038/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Duy T1 sinh năm 1952; Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, thành phố T, tỉnh T (Có mặt tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T2 sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh T (Có mặt tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

2. Người bị kiện: UBND thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T3 - Phó Chủ tịch (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Đức C1 sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, thành phố T, tỉnh T (Có mặt tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

3.2. Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1957; Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, thành phố T, tỉnh T (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.3. Cháu Đặng Hoàng Bảo C2 sinh năm 2008 và cháu Đặng Gia B sinh năm 2012 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của cháu C2 và cháu B là bà Hoàng Hải N sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà 29, đường Q 1, phường Q, quận H1, thành phố H2.

Đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Đặng Đức C1 sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, thành phố T, tỉnh T (Có mặt tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

3.4. Ông Trương Văn V1 sinh năm 1973; Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, thành phố T, tỉnh T (Có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh T).

Đại diện theo ủy quyền của ông V1: Ông Trương Đại T4 sinh năm 1960; Địa chỉ: Xóm A, phường Đ1, thành phố T, tỉnh T (Có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh T).

Người kháng cáo: Ông Trần Duy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là ông Trần Duy T1 trình bày:

Năm 1994, vợ ông T1 là bà Trần Thị H (Nguyễn Thị H) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 25 thửa (đất thổ cư, lúa, màu, chè) tại xã P, thành phố T. Đến năm 2009 thì cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành tên ông Trần Duy T1 và vợ Nguyễn Thị H. Trong số các thửa đất đã được cấp năm 2009 có thửa 470 và thửa 468, tờ bản đồ số 21, xã P. Gia đình ông sử dụng ổn định thửa đất này từ năm 1977, không có tranh chấp với ai, hiện gia đình vẫn đang quản lý, sử dụng hai thửa đất này.

Cuối năm 2019, ông phát hiện cán bộ địa chính, bà Hà Thị L1 (người cùng xóm) và ông Trương Văn V1 đến thực địa thửa đất 468 để thực hiện việc bàn giao đất theo hợp đồng mua bán giữa bà Hà Thị L1 và ông Trương Văn V1. Lúc này

ông mới biết bà L1 đã bán thửa 468 cho ông V1. Tiếp tục tìm hiểu thì ông được biết gia đình bà L1 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 470 và thửa 468 tờ bản đồ 21 vào năm 2015, trong khi đó hai thửa đất này đã được cấp cho gia đình ông từ năm 2009. Hiện tại gia đình ông vẫn đang quản lý, sử dụng hai thửa đất nêu trên.

Gia đình ông T1 đã nhiều lần khiếu nại đến UBND thành phố T để yêu cầu giải quyết nhưng UBND thành phố T giải quyết khiếu nại không đúng quy định pháp luật.

Đến ngày 22/8/2021, ông tiếp tục nhận được Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của gia đình ông (sau đây viết tắt là Quyết định 8977). Nội dung Quyết định số 8977/QĐ-UBND của UBND thành phố T là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ông T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp hai thửa 468 và 470 do cấp trái pháp luật, không đúng đối tượng sử dụng đất, trùng với các thửa đất đã cấp cho gia đình ông năm 2009.

- Hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp ngày 05/01/2009 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Duy T1 bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 081826 cấp ngày 23/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Trương Văn V1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21. Địa chỉ sử dụng đất: Xã P, thành phố T.

Đại diện người bị kiện là UBND thành phố T trình bày:

1. Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hà Thị L1 và nội dung hủy GCNQSD đất số CA 297441 do UBND thành phố cấp ngày 05/6/2015 mang tên bà Hà Thị L1:

Năm 2014, bà Hà Thị L1 nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ chồng là ông Đặng Thế V2 theo văn bản phân chia thừa kế được UBND xã P chứng thực.

Năm 2015, bà Hà Thị L1 có đơn xin cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất tại xã P, thành phố T, được UBND xã P và Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận.

Bà Hà Thị L1 có đơn tường trình nguồn gốc sử dụng đất.

Năm 2015, UBND xã P có biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, chủ sử dụng là bà Hà Thị L1.

Ngày 05/6/2015, UBND thành phố T cấp GCNQSD đất số CA 297441 cho bà Hà Thị L1 sử dụng đất tại xã P, thành phố T (Có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, căn cứ hồ sơ và quy trình cấp GCNQSD đất mang tên bà Hà Thị L1, UBND thành phố T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc ông Trần Duy T1 có đơn đề nghị Tòa án nhân dân hủy GCNQSD đất số CA 297441 mang tên bà Hà Thị L1 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

2. Về hồ sơ cấp GCNQSD của ông Trần Duy T1 và nội dung hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp ngày 05/01/2009 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T:

Ngày 25/9/1993, bà H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại xã P, thành phố T.

Ngày 31/01/1994, bà Nguyễn Thị H (vợ ông Trần Duy T1) được UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ có số vào sổ 00142 QSDĐ/PT với tổng diện tích 6.173m², trong đó 1.724m² đất thổ cư và 4.449m² đất nông nghiệp tại xã P.

Ngày 10/10/2008, bà Nguyễn Thị H có đơn xin cấp đổi GCNQSD đất số 935153 ngày 31/01/1994.

Ngày 14/10/2008, ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H có tờ khai thừa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 05/01/2009, UBND thành phố T cấp đổi GCNQSD đất số AO 222189 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T (Có hồ sơ kèm theo).

Ngày 13/8/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định 8977 với lý do giấy chứng nhận QSD đất đã cấp không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013.

Như vậy, căn cứ hồ sơ UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 8977 là đúng quy định của pháp luật.

Việc ông Trần Duy T1 có đơn đề nghị hủy quyết định trên, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đặng Đức C1 trình bày:

Ngày 05/6/2015, mẹ ông là bà Hà Thị L1 được UBND Thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 đối với 2 thửa 468, 470. Theo ông được biết nguồn gốc thửa đất 468, 470 có cấp trùng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ông Trần Duy T1.

Tại cuộc họp hòa giải do UBND xã P tổ chức tại nhà văn hóa xóm Đ, mẹ ông là bà Hà Thị L1 đã nhất trí trả thửa đất 470 cho gia đình ông Trần Duy T1. Còn thửa đất 468 nguồn gốc là do bố ông là Đặng Tất V2 khai phá trồng cây bạch đàn trắng từ năm 1988 đến năm 2011 bán cho ông Ngô Văn T5 cùng xóm khai thác.

Đến năm 2015, mẹ ông làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được các ông bà trưởng xóm Đ thời kỳ 1988-2015 xác nhận.

Năm 2009, trong quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Trần Duy T1 tự ý đưa thửa đất 468 vào hồ sơ không đúng quy trình.

Ông đề nghị Tòa án làm rõ thửa đất 468 do bố tôi khai phá từ năm 1988.

+ Ông Trương Văn V1 trình bày:

Ông mua của bà Hà Thị L1 thửa đất số 468 diện tích là 258 m², đã công chứng giấy tờ mua bán và đóng nghĩa vụ thuế đầy đủ và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trương Văn V1.

Ông mua mảnh đất của ông Phạm Huy T6 thửa đất số 1063 diện tích 77m², thửa đất này là của cụ A1 bán cho ông T6, sau đó ông T6 bán cho ông V1 (Tất cả những người chuyển đổi cho nhau đều có bìa đỏ). Nhưng đến ngày 05/01/2009 thì ông T1 lại đưa thửa này vào bìa đỏ, khi kê khai ông T1 khai không đúng sự thật với đối soát cũ và mới.

Còn thửa đất số 468 diện tích 258 m², khi tôi sản xuất đồ đất mặt bằng thì ông T1 đã ra nhận đất của ông ấy, cũng không đúng với đối soát sơ đồ 299 và bản đồ địa chính.

Tranh chấp xảy ra, gia đình ông T1 và con cháu đã sang gia đình tôi áp đảo tại gia 3 lần đã được UBND xã P kết hợp với xóm Đ tập trung để giải quyết.

Hội nghị đã tham gia phát biểu xây dựng đến cuối đều kết luận thửa đất trên là của ông Đặng Tất V2 là chồng bà Hà Thị L1 khai phá và trồng cây bạch đàn.

Đến ngày 13/8/2021, gia đình tôi nhận được quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp ngày 05/01/2009 cho hộ gia đình ông T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng tại xã P, thành phố T.

Đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình tôi được hưởng quyền sử dụng đất theo đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HCST ngày 10 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 99, điểm c khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 105, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014, khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T1 yêu cầu gồm:

- Hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp ngày 05/01/2009 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 081826 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2019 cho ông Trương Văn V1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21, diện tích 258m². Địa chỉ sử dụng đất: xã P, thành phố T.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Duy T1:

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 470, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/8/2022, người khởi kiện là ông Trần Duy T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Trần Duy T1 thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định chấp nhận yêu cầu của ông Trần Duy T1 về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 470, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật của Bản án sơ thẩm.

Ông Trần Duy T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông vì cho rằng:

Tòa án sơ thẩm không triệu tập Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T để làm rõ những nội dung ông khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Quyết định số 8977/QĐ-UBND của UBND thành phố T ban hành không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật là 7 bước nhưng UBND thành phố T không có biện pháp, hành vi kiểm tra đất bị thu hồi Giấy chứng nhận; Quyết định chỉ căn cứ vào tờ trình ngày 30/7/2020 và tờ trình này đã có trước khi ra Thông báo thu hồi đất là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 không đúng vì chồng bà L1 là ông Đặng Tất V2 không có di sản để bà L1 phân chia mà do UBND xã P làm giả Văn bản phân chia di sản cho gia đình bà L1; Bản tường trình nguồn gốc đất của gia đình bà L1 không ghi ngày tháng năm là không đúng quy định của pháp luật. Đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà L1 chỉ đăng ký đối với thửa 470 là đất của gia đình ông. UBND thành phố T không kiểm tra hiện trạng đất nên không phát hiện diện tích đất này đã cấp cho gia đình ông.

Diện tích 258m² thuộc thửa 468, tờ bản đồ số 21 tại xã P do gia đình ông sử dụng từ năm 1993 đến năm 2009 thực hiện việc kê khai đăng ký nhưng không hiểu vì sao năm 2015 UBND thành phố T lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị L1 để bà L1 chuyển nhượng cho ông Trương Văn V1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày

23/10/2019 cho ông Trương Văn V1 đối với phần cấp thửa 468 là trái pháp luật nên phải thu hồi, hủy bỏ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Đức C1 và ông Trương Văn V1 đều không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Trần Duy T1 có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T; Hủy cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1; Hủy phần diện tích 258m² thuộc thửa 468, tờ bản đồ số 21 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/10/2019 cho ông Trương Văn V1 và đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về việc Chấp nhận yêu cầu của ông về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 470, tờ bản đồ số 21; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi nội dung kháng cáo của người khởi kiện phù hợp quy định của pháp luật tố tụng hành chính nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét.

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/10/2019 cho ông Trương Văn V1 đối với phần cấp diện tích 258m² thuộc thửa 468, tờ bản đồ số 21 là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Do ông T1 là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông T1.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 27/8/2021, ông Trần Duy T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1. Đây là các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai nên Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo Điều 30, Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Đơn kháng cáo của ông Trần Duy T1 trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông về việc:

- Hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp ngày 05/01/2009 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp hai thửa 468 do cấp trái pháp luật, không đúng đối tượng sử dụng đất, trùng với các thửa đất đã cấp cho gia đình ông năm 2009.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 081826 cấp ngày 23/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Trương Văn V1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21. Địa chỉ sử dụng đất: Xã P, thành phố T.

Ông T1 rút một phần nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên phần giải quyết chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 470, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T của Bản án sơ thẩm.

Việc người kháng cáo rút một phần kháng cáo phù hợp quy định của pháp luật tố tụng hành chính nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 229 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung ông Trần Duy T1 đã rút kháng cáo. Phần giải quyết chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với thửa 470, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp ngày 05/01/2009 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Xuất phát từ việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Trần Duy T1 với bà Hà Thị L1 được UBND xã P hòa giải tại các biên bản hòa giải các ngày 02/01/2020, 25/02/2020 và 02/6/2020, UBND xã P, thành phố T có Văn bản số 272/BC-UBND về việc báo cáo kết quả xác minh nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất số 1063 và thửa số 468, tờ bản đồ số 21 tại xã P, thành phố T. Ngày 30/7/2020, phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố T có Tờ trình số 2183/TTr-TNMT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 28/9/2020, phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố T có Thông báo số 971/TB-UBND về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp ngày 05/01/2009 cho hộ ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T đã cấp không đúng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai.

Ngày 13/8/2021, UBND thành phố T có Quyết định số 8977/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 cấp ngày 05/01/2009 cho hộ ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, Thành phố T.

Như vậy, Việc UBND Thành phố T ban hành Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 về việc thu hồi GCNQSD đất của hộ ông Trần Duy T1 là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[4.2] Về nội dung Quyết định:

Tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện nguồn gốc sử dụng đất: Ngày 05/01/2009, hộ ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 222189, trong đó có:

Thửa số 470, tờ bản đồ số 21, diện tích 110m² (HNK);

Thửa số 468, tờ bản đồ số 21, diện tích 258m² (HNK);

Thửa số 1063, tờ bản đồ số 21, diện tích 77m² (HNK);

- Ngày 05/6/2015, bà Hà Thị L1 được UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ số CA 297441, trong đó có:

Thửa số 470, tờ bản đồ số 21, diện tích 110m² (HNK);

Thửa số 468, tờ bản đồ số 21, diện tích 258m² (HNK);

- Tại Biên bản hòa giải ngày 25/02/2020 của UBND xã P đã kết luận: Thửa 468, tờ bản đồ số 21, diện tích 258m² (HNK) trên bản đồ 299 thể hiện là đường đi không có số thửa, qua kiểm tra đối chiếu các thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H (vợ ông T1) năm 1994 không có thửa đất tương ứng vị trí thửa đất nêu trên. Năm 2009, ông T1 cấp đổi GCNQSDĐ đã kê khai thêm thửa đất trên. Ý kiến của thành phần tham gia hội nghị đều khẳng định thửa đất trên là do ông Đặng Tất V2 (chồng bà L1) khai phá trồng bạch đàn từ năm 1987, đến năm 2011 thì khai thác. Hiện đã sang tên cho ông V1. Vì vậy ông T1 có ý kiến thửa đất trên là của ông T1 là không có cơ sở để giải quyết. Bà Hà Thị L1 nhất trí trả thửa đất 470 cho gia đình ông Trần Duy T1.

Xét thấy: Thửa 468, tờ bản đồ số 21, diện tích 258m² (HNK) trên bản đồ 299 thể hiện là đường đi không có số thửa, qua kiểm tra đối chiếu các thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H (vợ ông T1) năm 1994 không có thửa đất tương ứng vị trí thửa đất nêu trên. Ý kiến của các thành viên ban hòa giải ngày 25/02/2020 của UBND xã P đều xác định nguồn gốc thửa đất trên do ông Đặng Tất V2 (chồng bà L1) khai hoang và trồng bạch đàn. Năm 2009, ông T1 cấp đổi GCNQSDĐ đã kê khai thêm thửa 468 nêu trên và ngày 05/01/2009, UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ đất số AO 222189 cho hộ ông T1, bà H đối với thửa số 468, tờ bản đồ địa chính số 21 là không đúng nguồn gốc, không đúng đối tượng sử dụng đất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình bà L1.

Ngoài ra, diện tích 77m² (HNK) thuộc thửa số 1063, tờ bản đồ số 21 có nguồn gốc là của ông Hà Văn A1 sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận năm 1994, đến năm 1999 chuyển nhượng cho ông Phạm Huy T6. Năm 2019, ông T6 đã chuyển nhượng cho ông Trương Văn V1. Ngày 05/01/2009, UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ đất số AO 222189 cho hộ ông T1 và bà H đối với thửa số 1063, tờ bản đồ số 21 cũng không đúng nguồn gốc, không đúng đối tượng sử dụng đất. Ông T1 đã công nhận và nhất trí trả lại phần diện tích trên cho ông Trương Văn V1 và không tranh chấp đối với diện tích 77m² (HNK) thuộc thửa số 1063 này.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 ngày 05/01/2009 của UBND thành phố T cấp cho hộ ông T1, bà H sử dụng đất tại xã P, thành phố T có một số thửa không đúng nguồn gốc, không đúng đối tượng và cấp chồng lấn với đất của bà Hà Thị L1 và của ông Trương Văn V1 như trên nên UBND thành phố T ban hành Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất ngày 05/01/2009 nêu trên của hộ ông T1 và bà H là phù hợp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ là có căn cứ.

[5] *Xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với thửa 468, tờ bản đồ số 21, diện tích 258m² tại xã P, thành phố T:*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của hộ ông T1, bà H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của bà Hà Thị L1 đều thể hiện quyền sử dụng của cả hai hộ đối các thửa đất số 470 và thửa 468.

[5.1] Tại Bản đồ 299 thể hiện diện tích 258m² (HNK) thuộc thửa 468, tờ bản đồ số 21 hiện nay đang tranh chấp là đường đi không có số thửa, qua kiểm tra đối chiếu các thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H (vợ ông T1) năm 1994 không có diện tích nào tương ứng vị trí thửa đất nêu trên. Ý kiến của các thành viên ban hòa giải ngày 25/02/2020 của UBND xã P đều xác định nguồn gốc thửa đất trên do ông Đặng Tất V2 (chồng bà L1) khai hoang và trồng bạch đàn. Năm 2009, ông T1 cấp đổi GCNQSDĐ đã kê khai thêm thửa 468 nêu trên mà không có tài liệu chứng minh ông có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này nhưng và ngày 05/01/2009, UBND thành phố T cấp GCNQSD đất số AO 222189 cho hộ ông T1, bà H đối với thửa số 468, tờ bản đồ địa chính số 21 là không đúng nguồn gốc, không đúng đối tượng sử dụng đất.

[5.2] Năm 2014, bà Hà Thị L1 nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ chồng bà là ông Đặng Thế V2 theo Văn bản phân chia thừa kế được UBND xã P chứng thực. Năm 2015, bà Hà Thị L1 có đơn xin cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại xã P, thành phố T được UBND xã P và Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận. Bà Hà Thị L1 có đơn tường trình nguồn gốc sử dụng đất. Năm 2015, UBND xã P có biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, chủ sử dụng là bà Hà Thị L1. Ngày 05/6/2015, UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 cho bà Hà Thị L1 đối với thửa số 468 là đúng

trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và có căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 của UBND thành phố T cấp cho bà Hà Thị L1 đối với thửa số 468 là đúng quy định.

[6] Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T1 về việc hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp 05/01/2009 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[7] *Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 081826 cấp ngày 23/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Trương Văn V1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21. Địa chỉ sử dụng đất: Xã P, thành phố T của nguyên đơn:*

[6.1] Ngày 17/10/2019, bà L1 đã chuyển nhượng thửa đất số 468 cho ông Trương Văn V1. Ngày 23/10/2019, ông V1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR081826 đối với diện tích 280m² thuộc thửa 468, tờ bản đồ số 21 theo quy định. Ban đầu ông T1 không khởi kiện đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/10/2019 cho ông V1, việc ông đưa ra yêu cầu hủy GCNQSD đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2019 cho ông Trương Văn V1 tại phiên tòa sơ thẩm là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Tòa án sơ thẩm không đưa Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[6.2] Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2019 đúng tên ông Trương Văn V1 là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện. Vi phạm này của cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến phần còn lại của Bản án sơ thẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vẫn được bảo đảm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 123, Điều 143, **Điều 165, khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính**, hủy và đình chỉ phần giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2019 đúng tên ông Trương Văn V1 của Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên buộc người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

Ông Trần Duy T1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên Tòa án sơ thẩm miễn án phí hành chính sơ thẩm và hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp là đúng quy định

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo của ông T1 không được chấp nhận nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy và đình chỉ giải quyết một phần Bản án sơ thẩm nên ông T1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

Căn cứ Điều 123, Điều 143, **Điều 165**, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 081826 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 23/10/2019 cho ông Trương Văn V1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21, diện tích 258m². Địa chỉ sử dụng đất: Xã P, thành phố T của người khởi kiện là ông ông Trần Duy T1 tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HCST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần nội dung kháng cáo của ông Trần Văn T1; Phần giải quyết chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với thửa 470, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HCST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T có hiệu lực pháp luật.

3. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Duy T1; sửa phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HCST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T như sau:

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 99, điểm c khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 105, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014, khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

3.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T1 về:

- Hủy Quyết định số 8977/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số AO 222189 do UBND thành phố T cấp 05/01/2009 cho ông Trần Duy T1 và bà Nguyễn Thị H sử dụng đất tại xã P, thành phố T.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 468, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T.

3.2. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Duy T1:

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 297441 do UBND thành phố T cấp ngày 05/6/2015 cho bà Hà Thị L1 đối với phần cấp thửa 470, tờ bản đồ số 21, tại xã P, thành phố T.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm;

Ông Trần Duy T1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả ông Trần Duy T1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông đã nộp tại Biên lai thu số 0000012 ngày 12/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Duy T1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Mai